

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 128/2023/HS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Nam Dương

2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn T. A**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1995 tại phường N.V, thành phố P.Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố N.V, phường N.V, thành phố P.Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Quyết định số 236103 ngày 12/01/2010 của Công an phường T.L, quận H.B.T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo đối với Nguyễn T. A về hành vi trộm cắp tài sản. (Đã được xóa). Tại Quyết định số 3746/QĐ-UB ngày 09/12/2010 của Ủy ban nhân dân quận H.B.T, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, trong thời hạn 12 tháng. Đã chấp hành xong ngày 01/11/2011. (đã được xóa). Tại bản án hình sự sơ thẩm số 121/2019/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, xử phạt Nguyễn T. A 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2020, chấp hành xong án phí ngày 15/10/2019. (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm

giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị hại:

+ Anh Đào Trọng V, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn T.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Chị Trần Thị K.Th, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn H.B, xã T.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn X.C, xã V.N, huyện V.T, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn T. A là công nhân Công ty Shinwa Vina, khu công nghiệp B.X 2, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc (thuê trọ tại tổ dân phố Đ.H, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc). Khoảng giữa tháng 3/2023, T. A nghỉ việc tại Công ty. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên trong các ngày 05/4, 08/4, 17/4 và 20/4/2023, T. A một mình thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã T.H và xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/4/2023, Nguyễn T. A đi bộ đến khu vực thôn T.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cổng nhà anh Đào Trọng V thấy cửa cổng không đóng, ở trong sân có 01 chiếc xe máy điện màu sơn đen - xanh, BKS: 88MĐ8 - 010.94 của anh V, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, T. A đã lén lút đi đến vị trí chiếc xe, mở khóa điện rồi điều khiển chiếc xe đi về phòng trọ. Sau đó, T. A sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 5, màu đen, đã cũ của T. A lên mạng xã hội tìm người mua xe và liên hệ được với anh Phùng Văn L là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa xe đạp, xe máy điện Đức L. T. A đặt vấn đề bán xe và nói dối với anh L chiếc xe máy điện là của T. A, đã làm rơi mất giấy Đ ký, do đang cần tiền gấp nên bán, anh L tin là thật và không biết chiếc xe máy điện là do T. A trộm cắp nên đồng ý mua và hẹn gặp ở khu vực cổng Trung tâm y tế huyện Y.L, thị trấn Y.L, huyện Y.L, tỉnh Vĩnh Phúc để mua bán xe. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi đến chỗ hẹn, T. A đã bán chiếc xe máy điện trên cho anh L với số tiền 1.800.000đ, số tiền trên T. A đã sử dụng vào việc tiêu sài cá nhân. Ngày 21/4/2023, anh V trình báo sự việc đến Công an huyện B.X cùng ngày, L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy điện trên để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 51/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B.X, kết luận: Chiếc xe máy điện

nhãn hiệu ANBICO, loại xe TWISTER, màu sơn đen - xanh, BKS: 88MĐ8 - 010.94 trị giá trị là 3.067.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 08/4/2023, T. A đi bộ đến khu vực thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng nhà anh Nguyễn Đình Đ thấy cổng nhà anh Đ không khóa, bên trong sân có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbade, màu sơn đen bạc, BKS: 88G1- 035.65 của anh Đ, không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe, T. A lén lút đi đến vị trí chiếc xe, mở khóa điện, nổ xe điều khiển đi về phòng trọ cất giấu. Đến buổi tối cùng ngày, T. A một mình điều khiển xe mô tô BKS: 88G1-035.65 đi xuống khu vực phường H Liệt, quận H Mai, thành phố Hà Nội gặp một người bạn tên Kiên (T. A không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể), T. A nói với Kiên chiếc xe mô tô là của T. A, bị rơi mất Đ ký xe, do đang cần tiền nên cần bán gấp và nhờ Kiên bán xe hộ, sau đó Kiên liên lạc với một người nam giới không rõ danh tính đến gặp T. A và T. A đã bán chiếc xe mô tô cho người nam giới này được 2.000.000 đồng, số tiền này T. A cho Kiên 500.000 đồng, còn lại T. A đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Ngày 20/4/2023, anh Đ đã trình báo sự việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện B.X giải quyết. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B.X định giá qua hồ sơ, đối với chiếc xe mô tô BKS: 88G1-035.65. Tại kết luận định giá tài sản số: 53/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B.X, kết luận: Xe mô tô BKS: 88G1-035.65 trị giá là 9.833.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/4/2023, T. A đi bộ đến thôn Hiệp Thuận, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng nhà chị Trần Thị T thấy tầng hầm khu trọ nhà chị T không khóa, bên trong có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đen-bạc, BKS: 29Z3-9852 của chị T, T. A lén lút đi đến vị trí chiếc xe thấy xe không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, T. A nổ xe rồi điều khiển đi về phòng trọ cất giấu. Ngày 20/4/2023, T. A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã T.H, huyện B.X thì bị người dân phát hiện, giữ lại và báo Công an thị trấn B.H lập biên bản sự việc, T. A đã khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô của chị T, sau đó theo chỉ dẫn của T. A, Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc xe mô tô tại phòng trọ của T. A ở tổ dân phố Đ.H, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 50/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B.X, kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đen - bạc, BKS: 29Z3- 9852. trị giá là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/4/2023, Nguyễn T. A đi bộ đến thôn H.B, xã T.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để trộm cắp tài sản. Khi đi

đến cổng nhà ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1964, thấy cửa cổng không đóng, bên trong sân có dựng 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SB, số loại E2, E1 Bike màu sơn xanh, đen, kích thước 1.750 x 660 x 1070mm do Công ty TNHH SUFAT, sản xuất năm 2015 (không có biển kiểm soát) của chị Trần Thị K.Th (là con dâu của ông H), T. A lên lút đi đến vị trí chiếc xe đạp điện thì thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, T. A khởi động rồi điều khiển xe đi về hướng thị trấn B.H, huyện B.X để tìm chỗ bán xe. Do trước đó đã bán xe cho anh Phùng Văn L, nên khi đi đến khu vực tổ dân phố Đ.H, thị trấn B.H, T. A dừng xe liên lạc qua Zalo với anh L, đặt vấn đề bán xe và hẹn khoảng 18 giờ cùng ngày thì đến tổ dân phố Đ.H, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để xem xét. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông H cùng người thân đã truy tìm. Khoảng 18 giờ cùng ngày, theo chỉ dẫn của T. A, anh L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn đỏ - đen, BKS: 88E1-064.56 của L đến gặp T. A ở khu vực ven đường tỉnh lộ 310B thuộc tổ dân phố Đ.H, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc để xem xe, khi anh L đang kiểm tra tình trạng xe và hỏi nguồn gốc và giấy tờ xe thì ngày lúc này ông Nguyễn Quốc H cùng một số người dân đang truy tìm, phát hiện thấy chiếc xe đạp điện của chị Thương nên đã giữ cả hai lại và trình báo Công an thị trấn B.H. Công an thị trấn B.H đã lập biên sự việc về hành vi trộm cắp tài sản của T. A và báo cáo Cơ quan điều tra Công an huyện B.X giải quyết. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn T. A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SB, số loại E2, E1 Bike màu sơn xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn đỏ-đen, BKS: 88E1-064.56; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE, màu xanh, đã cũ, số IMEI 355728261513599, đã cũ của L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 5, màu đen, đã cũ của T. A để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 52/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B.X, kết luận: chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SB, số loại E2, E1 Bike màu sơn xanh, đen trị giá là 2.033.000 đồng.

Cáo trạng số: 141/CT-VKS BX, ngày 16 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X truy tố Nguyễn T. A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn T. A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T. A từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/4/2023.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn T. A phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình Đ số tiền 9.833.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn T. A đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Đào Trọng V vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên lời khai trong quá trình điều tra xác nhận sự việc bị cáo T. A lấy trộm máy điện của anh, nay anh đề nghị được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, về hình phạt đối với bị cáo anh không có ý kiến gì.

Bị hại anh Nguyễn Đình Đ có mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc bị cáo T. A lấy trộm xe mô tô của anh, anh nhất trí với giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T. A phải bồi thường cho anh số tiền theo giá của Hội đồng định giá, về hình phạt đối với bị cáo anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Trần Thị T có mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc bị cáo T. A lấy trộm xe mô tô của chị, nay chị đề nghị được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, về hình phạt đối với bị cáo chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Trần Thị K.Th vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên lời khai trong quá trình điều tra xác nhận sự việc bị cáo T. A lấy trộm xe đạp điện của chị, ngày 28/4/2023 chị đã nhận lại chiếc xe đạp điện do cơ quan điều tra hoàn trả, sau khi nhận lại tài sản chị không có yêu cầu đề nghị gì, về hình phạt đối với bị cáo chị cũng không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn L có mặt tại phiên tòa xác nhận anh đã mua 01 chiếc xe máy điện của bị cáo T. A vào ngày 05/4/2023, khi trao đổi, mua bán xe T. A nói dối với anh là xe của T. A, anh không biết xe là do phạm tội mà có, đổi với số tiền 1.800.000 đồng anh trả cho T. A để mua chiếc xe máy điện BKS: 88MĐ8-010.94, anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh, đổi với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE, màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn đỏ - đen, BKS: 88E1-064.56 anh xin được nhận lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B.X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn T. A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 05/4/2023 đến ngày 20/4/2023, Nguyễn T. A đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp các tài sản là xe máy điện, xe mô tô, xe đạp điện trên địa bàn xã T.K và xã T.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là **19.933.000 đồng**. Cụ thể:

- Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/4/2023, tại thôn T.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn T. A trộm cắp 01 xe máy điện BKS: BKS: 88MĐ8-010.94 trị giá **3.067.000 đồng** của anh Đào Trọng V.

- Khoảng 14 giờ ngày 08/4/2023, tại thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn T. A trộm cắp 01 xe mô tô Honda-AIRBLADE, BKS 88G1-035.65 trị giá **9.833.000 đồng** của anh Nguyễn Đình Đ.

- Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/4/2023, tại thôn H.T, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn T. A trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 29Z3-9852 trị giá **5.000.000 đồng** của chị Trần Thị T.

- Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/4/2023, tại thôn H.B, xã T.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn T. A trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SB, số loại E2, E1 Bike màu sơn xanh, đen (không có biển kiểm soát) trị giá **2.033.000 đồng** của chị Trần Thị K.Th.

Hành vi của Nguyễn T. A 04 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị **19.933.000 đồng** đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...”.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn T. A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn T. A đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T. A thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của bị cáo thấy rằng bị cáo Nguyễn T. A là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị đưa vào trường giáo dưỡng và bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đến nay lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện bị cáo là người không chịu tu dưỡng, rèn luyện, coi thường pháp luật. Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng lại lười lao động, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, gây thiệt hại đến tài sản của nhiều người với tổng giá trị tài sản lớn, gây tâm lý hoang mang cho người khác. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù một thời gian theo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn T. A là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với anh Đào Trọng V, chị Trần Thị T, Trần Thị K.Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì do tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Đình Đ yêu cầu T. A phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô BKS 88G1-035.65 T. A đã trộm cắp không thu giữ được với số tiền là 9.833.000 đồng (theo kết luận định giá), T. A đồng ý bồi thường nhưng do đang bị tạm giam nên chưa có tiền bồi thường theo yêu cầu nhưng hiện T. A chưa có tiền bồi thường, xin bồi thường sau nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ số tiền 9.833.000 đồng.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng anh Phùng Văn L trả cho T. A để mua chiếc xe máy điện BKS: 88MĐ8-010.94, anh L không yêu cầu T. A phải trả lại cho anh L nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng T. A thu lời từ việc bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 88G1-035.65 mà có, tuy nhiên do anh Nguyễn Đình Đ là chủ sở hữu yêu cầu T. A phải bồi thường nên không truy thu số tiền này của T. A.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE, màu xanh, đã cũ, số IMEI 355728261513599, đã cũ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn đỏ - đen, BKS: 88E1-064.56, quá trình điều tra xác định là của anh Phùng Văn L không liên quan đến hành vi phạm tội của T. A nên cần trả lại cho anh L.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 5, màu đen, đã cũ, quá trình điều tra xác định là của bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy điện, BKS: 88MĐ8-010.94 của anh Đào Trọng V; 01 xe mô tô BKS: 29Z3-9852 của chị Trần Thị T cần trả lại cho anh V, chị T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SB, số loại E2, E1 Bike màu sơn xanh, đen, quá trình điều tra xác định là của chị Trần Thị K.Th. Sau khi xác minh, làm rõ ngày 28/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thương, sau khi nhận lại tài sản chị Thương không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Phùng Văn L là người đã mua 01 chiếc xe máy điện của bị cáo T. A vào ngày 05/4/2023, quá trình điều tra xác định khi trao đổi, mua bán xe T. A nói dối với anh L là xe của T. A, anh L không biết xe là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người nam giới tên Kiên mà T. A nhờ bán xe hộ và người nam giới đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 88G1-035.65 của T. A nhưng T. A không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này, Cơ quan điều tra đã rà soát, xác minh nhưng không xác định được danh tính nên không có căn cứ làm rõ để xử lý.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn T. A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn T. A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T. A **01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn T. A phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình Đ số tiền **9.833.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Phùng Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE, màu xanh, đã cũ, số IMEI 355728261513599, đã cũ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn đỏ - đen, BKS: 88E1-064.56.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 5, màu đen (được Công an huyện B.X đóng dấu niêm phong) của bị cáo Nguyễn T. A.

Trả lại cho anh Đào Trọng V 01 chiếc xe máy điện, BKS: 88MĐ8-010.94; trả lại cho chị Trần Thị T 01 xe mô tô BKS: 29Z3-9852.

(Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn T. A phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 492.000đ (*Bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B.X;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B.X;
- CQĐT - CA huyện B.X;
- CQCSTHAHS-CA huyện B.X;
- Chi cục THADS huyện B.X;
- Bị cáo, bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan

